TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TY** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST Ngày 21-7-2022 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY,TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Đạo.

2. Ông Phạm Thanh Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Ngày 21-7-2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2022/TLST-HNGĐ ngày 12-5-2022 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07-6-2022 và Thông báo mở lại phiên toà số 13/TB-TA ngày 04-7-2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tất Đ, sinh năm 1995. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn ĐC, xã CT, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

2. Bị đơn: Chị Sầm Thị T, sinh năm 1995. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn ĐC, xã CT, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27-4-2022 và bản tự khai, nguyên đơn anh Nguyễn Tất Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tất Đ và chị Sầm Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã CT, huyện TY, tỉnh Yên Bái vào ngày 23-3-2016. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T đi làm ăn xa và nảy sinh tình cảm với người đàn ông khác, không còn quan tâm đến gia đình, con cái. Mặc dù đã được hai bên gia đình và bạn bè khuyên bảo nhưng chị T không thay đổi, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay anh Đ

xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án nhân dân huyện TY giải quyết cho anh được ly hôn chị Sầm Thị T.

Về con chung: Anh Nguyễn Tất Đ và chị Sầm Thị T có một con chung là Nguyễn Tất T, sinh ngày 01-8-2016 hiện đang sống với anh Đ. Ly hôn, anh Đ có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện TY đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ thông qua trưởng thôn ĐC, xã CT, huyện TY, tỉnh Yên Bái nhưng bị đơn chị Sầm Thị T không có mặt tại Tòa án và không có bản tự khai. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có lời khai của chị T và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện TY nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn chị Sầm Thị T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Tất Đ và chị Sầm Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã CT, huyện TY, tỉnh Yên Bái vào ngày 23-3-2016. Sau khi kết hôn, theo anh Đ thì cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T đi làm ăn xa và nảy sinh tình cảm với người đàn ông khác, không còn quan tâm đến gia đình, con cái. Mặc dù đã được hai bên gia đình và bạn bè khuyên bảo nhưng chị T không thay đổi, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay không quan tâm đến nhau. Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái đã thông báo nhiều lần nhưng bị đơn chị T không đến Tòa, không có bản tự khai gửi cho Toà án, như vậy chị T đã tự từ bỏ quyền lợi và cơ hội hàn gắn cuộc sống vợ chồng của mình. Dẫn đến hôn nhân giữa anh Đ, chị T ngày càng trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có căn cứ cho anh Nguyễn Tất Đ được ly hôn chị Sầm Thị T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Anh Nguyễn Tất Đ và chị Sầm Thị T có một con chung là Nguyễn Tất T, sinh ngày 01-8-2016 hiện đang sống với anh Đ. Ly hôn, anh Đ có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Đồng thời chị T không đến Toà án và không có lời khai thể hiện nguyện vọng được nuôi con, vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo về điều kiện tinh thần và cuộc sống ổn định, điều kiện về nuôi dưỡng và học tập cần giao cháu Nguyễn Tất T cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Xét thấy chị T vắng mặt tại Tòa án, anh Đ cũng không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản và nợ chung*: Anh Nguyễn Tất Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, mặt khác do chị T chưa có lời khai nên chưa có cơ sở xem xét. Vì vậy, Tòa án không đặt ra giải quyết quan hệ về tài sản và nợ chung.

[5] *Về án phí*: Anh Nguyễn Tất Đ phải chịu án phí DSST ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dung án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tất Đ được ly hôn chị Sầm Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tất T, sinh ngày 01-8-2016 cho anh Nguyễn Tất Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị Sầm Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Tất Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001873 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TY, tỉnh Yên Bái ngày 12-5-2022.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện TY;
- Chi cục THADS huyện TY;
- UBND xã CT;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Phương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Phương